

Số: 80/2024/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 17 tháng 4 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức phụ cấp, chế độ kiêm nhiệm của người hoạt động không chuyên trách; mức hỗ trợ, chế độ kiêm nhiệm đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, xóm, bản, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Sơn La**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA  
KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ MƯỜI CHÍN**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

Xét Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 736/BC-PC ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Quy định mức phụ cấp, chế độ kiêm nhiệm của người hoạt động không chuyên trách; mức hỗ trợ, chế độ kiêm nhiệm đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, xóm, bản, tiểu khu, tổ dân phố (gọi chung là bản) trên địa bàn tỉnh**

1. Mức phụ cấp của người hoạt động không chuyên trách ở bản

STT	Chức danh	Mức phụ cấp (Mức lương cơ sở/người/tháng)		
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3
1	Bí thư Chi bộ	1,3	1,15	1,0
2	Trưởng bản	1,2	1,1	0,95
3	Trưởng Ban công tác Mặt trận	1,1	1,0	0,9

Người hoạt động không chuyên trách ở bản (thuộc xã) có từ 350 hộ gia đình trở lên; bản (thuộc phường, thị trấn) có từ 500 hộ gia đình trở lên; bản thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; bản thuộc đơn vị hành chính cấp xã ở khu vực biên giới thì hưởng mức phụ cấp theo bản loại 1.

2. Mức hỗ trợ đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở bản

a) Đối với bản

STT	Chức danh	Mức hỗ trợ (Mức lương cơ sở/người/tháng)		
		Bản loại 1	Bản loại 2	Bản loại 3
1	Phó Bí thư Chi bộ	0,3		
2	Chi uỷ viên	0,2		
3	Phó Trưởng bản	0,3	0,28	0,26
4	Nhân viên thú y bản thuộc xã	0,2	0,18	0,16
5	Chi hội trưởng Chi hội Phụ nữ	0,2	0,18	0,16
6	Chi hội trưởng Chi hội Nông dân	0,2	0,18	0,16
7	Bí thư Chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh	0,2	0,18	0,16
8	Chi hội trưởng Chi hội Cựu chiến binh	0,2	0,18	0,16
9	Chi hội trưởng Chi hội Người cao tuổi	0,2	0,18	0,16

b) Đối với Tổ dân phố thuộc phường có thêm chức danh Tổ trưởng Tổ Bảo vệ dân phố, mức hỗ trợ cụ thể: loại 1: 0,2 lần mức lương cơ sở/người/tháng; loại 2: 0,18 lần mức lương cơ sở/người/tháng; loại 3: 0,16 lần mức lương cơ sở/người/tháng.

### 3. Quy định kiêm nhiệm, mức phụ cấp kiêm nhiệm

a) Cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở bản, được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo khoản 2 Điều 20 và khoản 4 Điều 34 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (*kiêm nhiệm không quá 01 chức danh*).

b) Bí thư chi bộ được bố trí đồng thời là Trưởng bản hoặc Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác Mặt trận. Người được bố trí đồng thời hoặc kiêm nhiệm được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo khoản 4 Điều 34 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

c) Người hoạt động không chuyên trách ở bản được kiêm nhiệm không quá 02 chức danh người trực tiếp tham gia hoạt động ở bản quy định tại khoản 2 Điều này (*trường hợp Bí thư chi bộ đồng thời là Trưởng bản hoặc Bí thư chi bộ kiêm Trưởng ban Công tác Mặt trận được kiêm nhiệm không quá 01 chức danh người trực tiếp tham gia hoạt động ở bản*), được hưởng 100% mức hỗ trợ của từng chức danh kiêm nhiệm.

### Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2024.

2. Nghị quyết này bãi bỏ khoản 2, điểm 5.2 khoản 5, khoản 7 Điều 1 Nghị quyết số 120/2019/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của HĐND tỉnh quy định về mức phụ cấp, bồi dưỡng kiêm nhiệm, hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động và mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia vào công việc của bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh; khoản 1, 3, 4 Điều 2 Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 119/2019/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của HĐND tỉnh quy định mức phụ cấp đối với từng chức danh; tổng số lượng và mức hỗ trợ đối với những người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 120/2019/NQ-HĐND ngày 05/12/2019 của HĐND tỉnh quy định về mức phụ cấp, bồi dưỡng kiêm nhiệm, hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách; mức khoán kinh phí hoạt động và mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia vào công việc của bản, thôn, xóm, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

### Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết. ✓

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La Khoá XV, Kỳ họp chuyên đề thứ mười chín thông qua ngày 17 tháng 4 năm 2024./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH;
- Các Bộ: Nội vụ; Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Ban Thường vụ tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế, HĐND tỉnh;
- Sở, ban, ngành;
- Thường trực huyện ủy, thành ủy;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- UBND các huyện, thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã;
- Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ lịch sử, Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, PC, CTHĐND.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thái Hưng**